

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội**

Căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính và việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Căn cứ Kết quả hoạt động kinh doanh Năm 2019, Công Ty Cổ Phần Chế Biến XNK-NSTP Đồng Nai xin giải trình một số trường hợp đính kèm dưới đây:

**1. Lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước**

**1. Báo cáo tài chính riêng:**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 Kiểm toán	Năm 2018 Kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		564,340,275,610	930,027,140,810	(365,686,865,200)	61%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4,154,323,592	3,090,923,441	1,063,400,151	134%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		560,185,952,018	926,936,217,369	(366,750,265,351)	60%
4. Giá vốn hàng bán	11		590,023,616,693	935,652,783,899	(345,629,167,206)	63%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(29,837,664,675)	(8,716,566,530)	(21,121,098,145)	342%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		27,778,516,286	38,754,889,044	(10,976,372,758)	72%
7. Chi phí tài chính	22		2,666,293,386	9,126,411,224	(6,460,117,838)	29%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8,245,995,694	5,954,848,710	2,291,146,984	138%
8. Chi phí bán hàng	25		4,445,031,899	6,396,664,407	(1,951,632,508)	69%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		13,738,703,179	10,627,883,482	3,110,819,697	129%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(22,909,176,853)	3,887,363,401	(26,796,540,254)	-589%
11. Thu nhập khác	31		1,592,013,403	1,628,148,584	(36,135,181)	98%
12. Chi phí khác	32		2,461,049,379	2,594,121,854	(133,072,475)	95%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(869,035,976)	(965,973,270)	96,937,294	90%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(23,778,212,829)	2,921,390,131	(26,699,602,960)	-814%
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(23,778,212,829)	2,921,390,131	(26,699,602,960)	-814%

Nguyên nhân biến động:

- Do Năm 2019 giá bán trên thị trường đối với mặt hàng nông sản (Điều, Cà phê) biến động giảm trong khi giá thành doanh nghiệp cao dẫn đến kinh doanh không có hiệu quả so với Năm 2018 đặc biệt là mặt hàng Cà Phê. (Sân lượng tiêu thụ Năm 2019 của Cà phê) 10.963 tấn - 367.538 triệu đồng) giảm gần 1 nửa so với Năm 2018 (20.410 tấn - 762.202 triệu đồng).
- Doanh thu hoạt động tài chính Năm 2019 giảm 10.976.372.758đ so với Năm 2018, chủ yếu do Năm 2019 công ty nhận được tiền cổ tức từ Công ty TNHH Long Đức theo nghị quyết giám so với năm 2018.(N2019: 25.104.600.000đ; N2018: 35.919.000.000đ).
- Chi phí hoạt động tài chính Năm 2019 giảm 6.460.117.838đ so với Năm 2018 chủ yếu là do Năm 2019 Công ty thoái vốn Công ty con là Công ty TNHH Dầu Tự Chế Biến XNK-NSTP Thái Bình nên đã xử lý giá trị khoản đầu tư và hoàn nhập trích lập dự phòng vào Công ty Thái Bình Foods: 6.950.657.804đ.



Vì vậy Lợi nhuận sau thuế của Công ty Năm 2019 giảm 814% so với Năm 2018.

**2. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Năm 2019 Kiểm toán	Năm 2018 Kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		843,852,517,260	1,183,464,320,358	(339,611,803,098)	71%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4,355,521,573	3,287,904,201	1,067,617,372	132%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)	10		839,496,995,687	1,180,176,416,157	(340,679,420,470)	71%
4. Giá vốn hàng bán	11		848,449,935,542	1,167,960,490,580	(319,510,555,038)	73%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(8,952,939,855)	12,215,925,577	(21,168,865,432)	-73%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		36,080,629,876	38,178,153,862	(2,097,523,986)	95%
7. Chi phí tài chính	22		10,089,973,283	8,287,918,659	1,802,054,624	122%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		8,565,888,415	6,494,245,094	2,071,643,321	132%
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		75,141,934	668,609,905	(593,467,971)	11%
9. Chi phí bán hàng	25		12,011,797,767	13,818,260,963	(1,806,463,196)	87%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		20,900,168,656	18,665,617,833	2,234,550,823	112%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(15,799,107,751)	10,290,891,889	(26,089,999,640)	-154%
12. Thu nhập khác	31		1,882,399,115	1,944,765,919	(62,366,804)	97%
13. Chi phí khác	32		3,125,246,776	5,388,048,329	(2,262,801,553)	58%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,242,847,661)	(3,443,282,410)	2,200,434,749	36%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(17,041,955,412)	6,847,609,479	(23,889,564,891)	-249%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,424,942,730	1,226,431,225	198,511,505	116%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1,632,006,270)	466,368,916	(2,098,375,186)	-350%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)	60		(16,834,891,872)	5,154,809,338	(21,989,701,210)	-327%
18. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61		(19,645,455,106)	4,087,346,261	(23,732,801,367)	-481%
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62		2,810,563,234	1,067,463,077	1,743,100,157	263%
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(873)	182	(1,055)	-480%

Nguyên nhân biến động:

Do ảnh hưởng chủ yếu từ Kết quả kinh doanh trên Báo cáo riêng của Công Ty Cổ Phần Chế Biến XNK-NSSTP Đồng Nai lĩ: 23.778.212.829đ theo giải trình ở trên trong khi các công ty con, liên kết kết quả kinh doanh có hiệu quả không biến động nhiều so với Năm 2018 dẫn đến Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo hợp nhất chung của Công ty trong Năm 2019 giảm 327% so với năm 2018.

**II. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên**

**1. Báo cáo tài chính hợp nhất:**

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 Trước Kiểm toán	Năm 2019 Sau kiểm toán	Chênh lệch	Tỷ lệ
1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(18,159,571,962)	(16,834,891,872)	(1,324,680,090)	-7.87%

Nguyên nhân biến động:

1. Do ảnh hưởng chủ yếu từ việc thoái vốn Công ty TNHH Dầu tư Chế Biến XNK-NSSTP Thái bình nên phần chi phí thuế TNDN hoãn lại công ty chưa loại trừ ra trên báo cáo dẫn đến chênh lệch so với kiểm toán: 1.632.006.270đ.

2. Phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giảm 281.360.342đ do công ty không ghi nhận khoản điều chỉnh phần cổ tức nhận trong năm và phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi cuối năm tại Công ty Cổ Phần Thảm Định Giá Đồng Nai.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ Phần Chế Biến XNK-NSSTP Đồng Nai. Xin báo cáo đề Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

được biết.  
Trân trọng!

Nơi nhận:  
- Như trên; lưu



Nguyễn Cao Nhơn

